

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 83/2024/HS-PT

Ngày: 04 - 12 - 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tinh; Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 82/2024/TLPT-HS ngày 25 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Ngọc S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2024/HS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Ngọc S, sinh năm: 1993 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số B, ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966; vợ: Đặng Thị T1, sinh năm 2002; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2021, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án số 158/2014/HS-PT ngày 26/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 01 (một) năm cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” (đã chấp hành xong vào ngày 24/12/2015); bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/5/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 26/12/2023, Phạm Ngọc S đi ngang nhà ông Võ Văn T2 Anh ở ấp A, xã M, huyện T, S thấy bên trong nhà có ông Thắng A và Võ Văn V đang ngồi uống nước trà nên ghé vào uống nước trà cùng với ông Thắng A và V. Trong lúc uống nước trà thì V hỏi S, lúc V đi ghe cào đánh bắt cá không có nhà thì S vô nhà tắt cầu dao điện và vào phòng của vợ V (Nguyễn Thị Huỳnh N) phải

không, thì S nói không có, nên V và S cự cãi với nhau. Lúc này, ông Thắng A bảo V và S đến nhà gặp Nguyễn Thị Huỳnh N hỏi cho rõ. S đứng lên dự định đi, còn V chưa đi vẫn còn ngồi thì S liền dùng tay phải cầm lấy bình đựng nước trà bằng kim loại đang để trên bàn đánh vào trán của V một cái gây thương tích. Sau khi bị đánh, Võ Văn V được đưa đến Bệnh viện N1 điều trị.

Vật chứng thu giữ: 01 bình đựng nước trà bằng kim loại màu trắng, không có nắp đậy, nặng 0,1kg, phần quay cầm bị hở với thân bình, thân bình ở phần vôi bị móp.

Tại Bản kết luận giám định số 46/24/KLTTCT- TTPYBT ngày 16/02/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B, kết luận Võ Văn V có các thương tích: Sẹo vùng trán trái, kích thước nhỏ; sẹo mổ vùng trán trên chân tóc, kích thước trung bình; sẹo mổ dẫn lưu vùng thái dương trái, kích thước nhỏ; sẹo vùng cung mày phải, kích thước nhỏ; khuyết sọ vùng trán trái; máu tụ ngoài màng cứng vùng trán trái hiện không còn hình ảnh tổn thương trên chuẩn đoán hình ảnh. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Võ Văn V là 27%. Cơ chế hình thành thương tích của Võ Văn V do vật tày tác động trực tiếp gây ra; trường hợp Phạm Ngọc S đứng, tay phải cầm vào phần tay cầm của cái bình (mẫu giám định) đánh một cái theo hướng từ phải sang trái trúng vào vùng trán của Võ Văn V đang ngồi thì có thể tạo ra thương tích trên người của Võ Văn V như trên.

Tại Bản kết luận giám định bổ sung số 171/24/KLTTCT-TTPYBT ngày 19/6/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B, kết luận: “Các thương tích: Thoát vị đĩa đệm đốt sống đặc hiệu khác; các thoái hóa cột sống khác; viêm kết mạc, không đặc hiệu; bệnh trào ngược dạ dày - thực quản không có viêm thực quản; hội chứng đuôi ngựa của ông Võ Văn V không phải do bị ảnh hưởng từ thương tích ở vùng đầu mà ông Phạm Ngọc S đã gây ra cho ông Võ Văn V; Nguyên nhân của các triệu chứng nêu trên là do bệnh lý, không phải do bị ảnh hưởng từ thương tích vùng đầu mà ông Phạm Ngọc S đã gây ra cho ông Võ Văn V; Di chứng tổn thương nội sọ là do chấn thương sọ não được giám định trong Bản kết luận giám định số 46/24/KLTTCT-TTPYBT ngày 16/02/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B.”

Tại Biên bản giám định y khoa số 42/GĐYK-KNLD ngày 17/7/2024 của Hội đồng Giám định y khoa tỉnh Bến Tre xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể (suy giảm khả năng lao động) của Võ Văn V là 49%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2024/HS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc S phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc S 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 30/9/2024, bị cáo Phạm Ngọc S kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc S 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo nói lời sau cùng: Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo để bị cáo lo cho các con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Ngọc S khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: Chỉ vì từ mâu thuẫn nhỏ nhất trong lúc nói chuyện qua lại, khoảng 13 giờ 30 phút ngày 26/12/2023, tại ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre, Phạm Ngọc S có hành vi dùng bình đựng nước trà bằng kim loại màu trắng, nặng 0,2kg là hung khí nguy hiểm đánh vào trán của Võ Văn V gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 27%. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Phạm Ngọc S phạm tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “dùng hung khí nguy hiểm” và “có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng: Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Xét hình phạt 02 năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt, đồng thời bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “có tính chất côn đồ”. Đối chiếu với Điều 2, Điều 3 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận

kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị xử phạt bị cáo 02 năm tù là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc S 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Phạm Ngọc S phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú (3b);
- Công an và VKSND huyện Thạnh Phú (2b);
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú (1b);
- UBND xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn